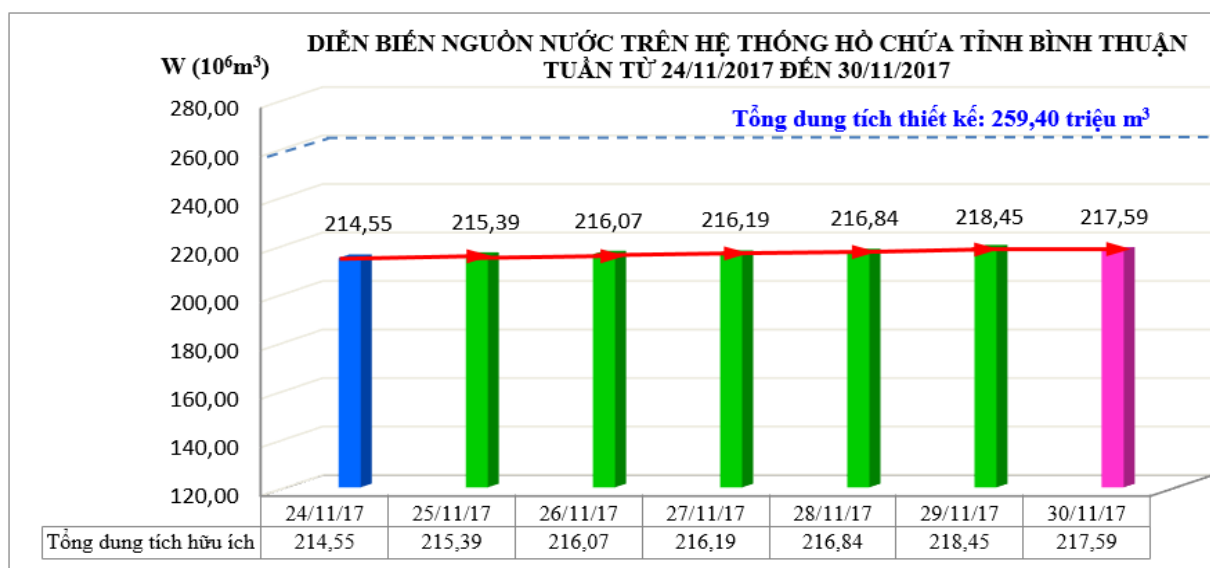


BẢN TIN
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC
PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN LƯU VỰC
SÔNG LỮY - SÔNG LA NGÀ TỈNH BÌNH THUẬN NĂM 2017
(Tuần từ 01/12/2017 đến 07/12/2017)

1. KIỂM KÊ THỰC TRẠNG NGUỒN NƯỚC TRÊN HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH BÌNH THUẬN

1.1. Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập từ ngày 24/11/2017 – 30/11/2017

Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi tỉnh Bình Thuận từ ngày 24/11/2017 đến 30/11/2017 được trình bày tại Hình 1. Kết quả cho thấy tổng lượng nước trong các hồ/ đập trên địa bàn tỉnh tuần qua có xu hướng tăng. Tuần qua, do có mưa vừa ở một vài nơi trong tỉnh cộng với lượng nước ngoại tỉnh bổ sung khiến tổng dung tích các hồ đầu tuần tăng nhẹ. Tuy nhiên vào cuối tuần, lượng nước về giảm khiến tổng dung tích giảm nhẹ. Tổng lượng tăng của tuần qua là 3,04 triệu m³, trong đó mức tăng bình quân là 0,51 triệu m³/ngày nhiều hơn so với mức tăng 0,01 triệu m³/ngày như của tuần trước.



Hình 1: Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập tỉnh Bình Thuận từ 24/11 - 30/11/2017

1.2. Kiểm kê thực trạng nguồn nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 30/11/2017

1.2.1. Nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi

Tính đến ngày 30/11/2017 tổng dung tích hữu ích của 17 hồ/ đập lớn trên địa bàn tỉnh Bình Thuận là 218,45 triệu m³, đạt 84,21% so với tổng dung tích hữu ích thiết kế. Dung tích các hồ về tổng thể chung thì tăng nhẹ, tuy nhiên có một số hồ/ đập dung tích

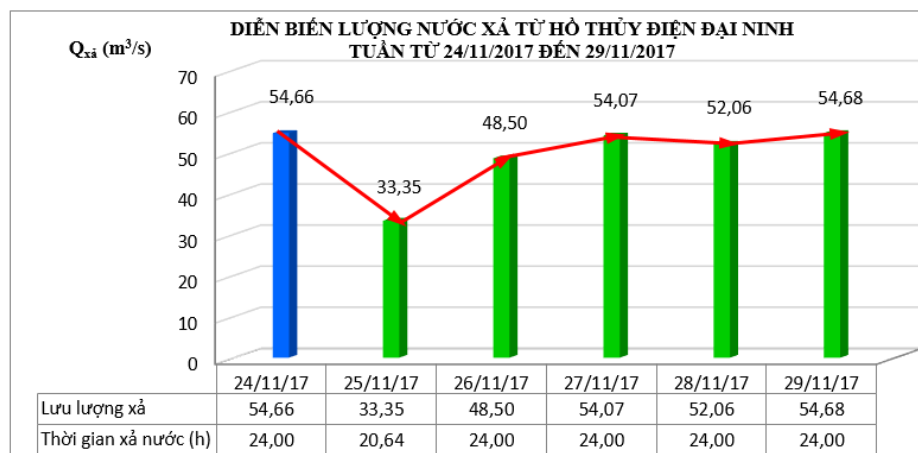
giảm so với đầu tuần như hồ Tân Lập, hồ Ba Bàu, hồ Núi Đất và hồ Đu Đủ. Hồ/đập có tỉ lệ dung tích hữu ích thấp nhất là hồ Sông Dinh 3 với tỉ lệ là 3,25% so với dung tích thiết kế. Hồ có tỉ lệ cao nhất là hồ Đá Bạc với 114,27% dung tích thiết kế. Hiện tại 4 hồ có dung tích hữu ích thiết kế lớn trên địa bàn tỉnh là hồ Lòng Sông, hồ Cà Giây, hồ Sông Quao, hồ Sông Móng và hồ Phan Dũng tính đến thời điểm hiện nay vẫn còn nhiều nước (Dung tích hiện tại đều đạt trên 95% so với dung tích thiết kế).

Bảng 1: Tổng hợp dung tích các hồ, đập tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 30/11/2017

STT	Tên các Hồ chứa/ đập dâng	DUNG TÍCH (10^6 m^3)						Tỷ lệ dung tích hữu ích hiện tại so với thiết kế
		Hiện tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích thiết kế	Hữu ích hiện tại	
1	Đá Bạc	5,509	4,87	9,718	0,392	4,478	5,117	114,27%
2	Lòng Sông	38,896	37,16	40,271	3,464	33,696	35,432	105,15%
3	Cà Giây	36,434	36,921	63,209	8,409	28,512	28,025	98,29%
4	Sông Khánh	1,967	2,014	2,52	0,261	1,753	1,706	97,32%
5	Sông Quao	75,100	73	80	5,7	67,3	69,400	103,12%
6	Suối Đá	5,964	9,131	12,786	1,273	7,858	4,691	59,70%
7	Cầm Hạng	0,419	1,18	1,215	0,013	1,167	0,406	34,79%
8	Sông Móng	37,156	37,156	51,515	2,985	34,171	34,171	100,00%
9	Ba Bàu	6,748	6,938	11,403	0,964	5,974	5,784	96,82%
10	Đu Đủ	3,405	3,664	5,217	0,297	3,367	3,108	92,31%
11	Tân Lập	1,097	1,07	1,52	0,07	1	1,027	102,70%
12	Tà Mon	0,545	0,657	0,72	0,05	0,607	0,495	81,55%
13	Núi Đất	9,273	8,466	9,648	0,566	7,9	8,707	110,22%
14	Trà Tân	4,007	3,888	8,333	0,403	3,485	3,604	103,41%
15	Sông Phan	2,173	3,022	3,579	0,172	2,85	2,001	70,21%
16	Phan Dũng	14,616	13,674	18,925	1,233	12,441	13,383	107,57%
17	Sông Dinh 3	16,682	58,13	97,138	15,29	42,84	1,392	3,25%
Tổng Cộng		259,99	300,94	417,72	41,542	259,40	218,45	84,21%

1.2.2. Nguồn nước thủy điện

Đến ngày 30/11/2017, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Đại Ninh là 249,42 triệu $\text{m}^3/251,7$ triệu m^3 , đạt 99,08% so với dung tích hữu ích thiết kế, tăng 7,3 triệu m^3 so với đầu tuần (ngày 24/11/2017).



Hình 2: Diễn biến lượng nước xả từ hồ Thủy điện Đại Ninh từ ngày 24/11/2017 đến 29/11/2017

Tính đến ngày 30/11/2017, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Hàm Thuận là 495,11 triệu m³/ 522,5 triệu m³, đạt 94,76% so với dung tích hữu ích thiết kế, giảm 5,18 triệu m³ so với đầu tuần (ngày 24/11/2017).

Bảng 2: Dung tích hồ chứa thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận tính đến ngày 30/11/2017

Stt	Tên các Hồ chứa	DUNG TÍCH (10 ⁶ m ³)						Tỷ lệ dung tích hiện tại
		Hiện tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích Thiết kế	Hữu ích Hiện tại	
1	<u>Đại Ninh</u>	317,46	319,770	549,820	68,040	251,730	249,42	99,08%
2	<u>Hàm Thuận</u>	667,84	695,230	976,650	172,730	522,500	495,11	94,76%
Tổng Cộng		985,29	1.015,000	1,526,470	240,770	774,230	744,52	96,16%

2. DỰ BÁO TÌNH HÌNH MƯA VÀ NGUỒN NƯỚC

2.1. Tài liệu dự báo

Tài liệu mưa ngày, khí tượng, thủy văn của các trạm chính trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (các trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân, Cà Ná) từ năm 1978-2016;

Tài liệu dự báo mưa, bốc hơi tại trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân;

Tài liệu diện tích sản xuất thực tế và kế hoạch sản xuất của tỉnh Bình Thuận năm 2017. Lịch thời vụ các loại cây trồng;

Quy trình vận hành và quan hệ đặc tính lòng hồ F~Z~W của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận và các hồ thủy điện Đại Ninh, Hàm Thuận – Đa Mi;

Lượng xả dự kiến của các hồ thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi.

2.2. Công cụ dự báo

Trong dự báo này sử dụng 2 mô hình chính là: mô hình thủy văn MIKE NAM và mô hình cân bằng nước MIKE BASIN đã được hiệu chỉnh và kiểm định.

- Sử dụng mô hình NAM để tính toán dòng chảy mặt trên các lưu vực sông;
- Sử dụng mô hình MIKE BASIN để tính toán khả năng nguồn nước các lưu vực sông tỉnh Bình Thuận theo không gian và thời gian.

2.3. Dự báo tình hình khí tượng, thủy văn khu vực tỉnh Bình Thuận

Dự báo KTTV tháng 12/2017	Dự báo KTTV tuần 1 - tháng 12/2017
<p><i>a. Khí tượng:</i></p> <p>- Dự báo thời tiết trong thời kỳ đầu tháng có mưa rào và dông rải rác, riêng ngày 3-5 có mưa vừa đến mưa to, có nơi mưa rất to; thời kỳ giữa và cuối tháng có mưa rào vài nơi; những ngày ảnh hưởng của xoáy thuận nhiệt đới có mưa rào và dông rải rác. Dự báo lượng mưa tháng 11/2017 cao hơn TBNN phổ biến từ 100-200, riêng vùng núi từ 200-300mm; với: 8</p>	<p><i>a. Khí tượng:</i></p> <p>- Dự báo thời tiết tuần tới: Mây thay đổi đến nhiều mây, thời kỳ đầu tuần đêm không mưa, ngày nắng. Thời kỳ giữa và cuối tuần, có mưa rào và dông vài nơi. Dự báo lượng mưa tuần tới phổ biến từ 10 – 20 mm, đạt mức xấp xỉ TBNN cùng thời kỳ.</p>

- 12 ngày mưa.
 - Tổng số giờ nắng: 190 – 210 giờ, tổng lượng bốc hơi: 90 - 110mm.

b. Thủy văn:

- Mực nước trên sông La Ngà tại trạm Tà Pao đạt giá trị thấp hơn TBNN, trên sông Lũy tại trạm Sông Lũy đạt giá trị xấp xỉ đến cao hơn TBNN.

+ Tà Pao: Htb = 117,50m; Hmax = 119,50m; Hmin = 116,00m.

+ Sông Lũy: Htb = 24,90m; Hmax = 27,50m ; Hmin = 24,00m.

- Tổng số giờ nắng: 70 – 80 giờ, tổng lượng bốc hơi: 30 - 40mm.

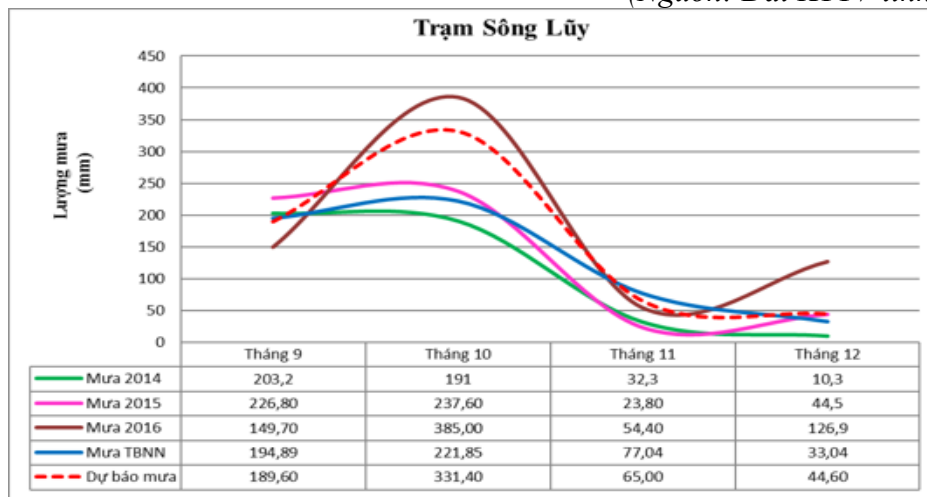
b. Thủy văn:

- Mực nước trung bình tuần: Trên sông La Ngà tại trạm Tà Pao và trên sông Lũy tại trạm Sông Lũy đạt giá trị xấp xỉ đến cao hơn TBNN.

+Tà Pao: Htb=117,20m; Hmax = 119,00m; Hmin = 116,00m.

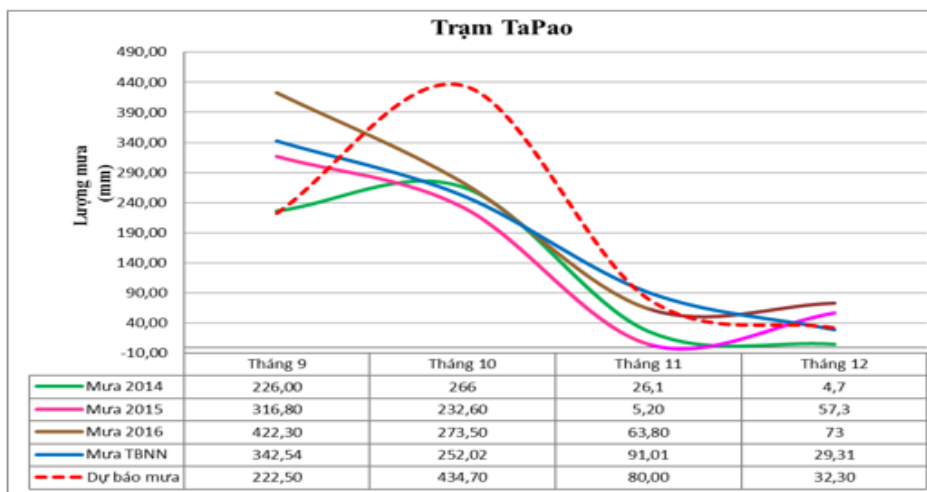
+ Sông Lũy: Htb = 24,40m; Hmax = 25,00m; Hmin = 24,0m.

(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)



(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)

Hình 3: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo mưa vụ Mùa tại trạm Sông Lũy



(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)

Hình 4: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo mưa vụ Mùa tại trạm Tà Pao

2.4. Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập thủy lợi vụ Mùa năm 2017 tỉnh Bình Thuận

Bảng 3: Kết quả dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập vụ Mùa (tháng 12) năm 2017 tỉnh Bình Thuận

TT	LV Sông/ Hồ	Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ/ đập vụ Mùa năm 2017 ($10^6 m^3$)	
		Tháng 12 ($10^6 m^3$)	Tổng cộng ($10^6 m^3$)
1	Hồ Đá Bạc	0,249	0,249
2	Hồ Phan Dũng	3,608	3,608
3	Hồ Lòng Sông	3,774	3,774
4	Đập Sông Lũy	44,222	44,222
5	Hồ Cà Giấy	1,534	1,534
6	Đập Đồng Mới, Tú Sơn,..	3,069	3,069
7	Hồ Sông Quao	2,903	2,903
8	Hồ Suối Đá	0,352	0,352
9	Hồ Sông Khán	0,015	0,015
10	Hồ Cà Giang	0,073	0,073
11	Hồ Cẩm Hàng	0,109	0,109
12	Hồ Sông Móng	0,544	0,544
13	Đập Ba Bàu	1,343	1,343
14	Hồ Đu Đủ	0,091	0,091
15	Đập Sông Phan	0,653	0,653
16	Hồ Tân Lập	0,003	0,003
17	Hồ Tà Mon	0,003	0,003
18	Hồ Núi Đất	0,016	0,016
19	Hồ Sông Dinh	1,991	1,991
20	Đập Cô Kiều	0,025	0,025
21	Sông La Ngà (tới đập Tà Pao)	26,827	26,827
22	Hồ Trà Tân	1,516	1,516
Tổng cộng			92,92

Dự kiến lượng nước xả vụ Mùa của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận - Đa Mi như sau:

Bảng 4: Dự kiến lượng nước xả của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi

Thủy điện		Tháng 12	Tổng ($10^6 m^3$)
Đại Ninh	Lưu lượng Q_{bq} ngày (m^3/s)	17	45,53
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	15	
Hàm Thuận - Đa Mi	Lưu lượng Q_{bq} ngày (m^3/s)	27	72,32
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	14	

(Nguồn: Công ty Khai thác Công trình Thủy lợi tỉnh Bình Thuận)

3. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Kết quả tính toán nhu cầu nước vụ Mùa được trình bày tại Bảng 5, kết quả cho thấy: Tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng vụ Mùa tháng 12/2017 là 180,35 triệu m³.

Bảng 5: Bảng tổng hợp nhu cầu nước tại đầu mỗi các công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận theo kế hoạch sản xuất vụ Mùa năm 2017

TT	LV Sông, hồ	Vụ Mùa 2017					
		Kế hoạch diện tích sản xuất vụ Mùa (ha)				Nhu cầu nước vụ Mùa (10 ⁶ m ³)	
		Lúa	Cây màu (Ngô, đậu, mè,...)	Thanh Long	Thủy sản	Tháng 12	Tổng
Tổng cộng		31.486,63	11.500,00	14.736,00	497,00	180,35	180,35
1	Hồ Đa Bạc	271,38	66,55	54	-	1,27	1,27
2	Hồ Phan Dũng	123,99	133,11	108	-	0,90	0,90
3	Hồ Lòng Sông	3.061,74	240,34	195	79,00	8,78	8,78
4	Đập Sông Lũy	6.321,93	1.445,65	294	-	24,72	24,72
5	Hồ Cà Giấy	1.397,43	1.947,20	396	-	6,39	6,39
6	Đập Đồng Mới, Đồng Mãng, Tú Sơn...	1.017,84	1.357	276	-	5,78	5,78
7	Hồ Sông Quao	6.368,51	1.458,97	6.622,06	-	41,04	41,04
8	Hồ Suối Đá	234,98	103,54	469,95	-	1,58	1,58
9	Hồ Sông Khán	73,99	7,49	34	-	0,39	0,39
10	Hồ Sông Móng	-	5,32	177,27	-	0,07	0,07
11	Đập Ba Bàu	725,16	108,81	3.625,10	-	0,55	0,55
12	Hồ Đu Đủ	96,84	29,52	983,63	-	0,07	0,07
13	Đập Sông Phan	1	18,08	602,33	-	0,14	0,14
14	Hồ Tân Lập	-	14,16	471,82	-	0,00	0,00
15	Hồ Tà Mon	-	4,11	136,84	-	0,00	0,00
16	Hồ Núi Đất	430	350	226	-	2,39	2,39
17	Hồ Sông Dinh	417	2.720	64	-	3,63	3,63
18	Đập Cô Kiều	40	-	-	-	0,24	0,24
19	Sông La Ngà (Tới Đập Tà Pao)	10.821,00	690	-	418,00	80,99	80,99
20	Hồ Trà Tân	83,83	800	-	-	1,43	1,43

4. DỰ BÁO KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VỤ MÙA NĂM 2017

4.1. Dự báo nguồn nước trong các hồ/đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tuần từ 01/12/2017 đến 07/12/2017

Dự báo nguồn nước trong hệ thống các hồ, đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đến ngày 30/11/2017 được trình bày tại Bảng 6, kết quả cho thấy: Dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh có xu hướng tăng, tổng dung tích hữu ích đạt khoảng 225,41 triệu m³ (chiếm 86,90% so với dung tích thiết kế), tăng 6,96 triệu m³ so với thời điểm hiện tại (ngày 30/11/2017).

Bảng 6: Kết quả dự báo nguồn nước trong các hồ/đập công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận đến ngày 07/12/2017

TT	Hồ chứa	Cao trình mực nước bình thường (m)	Dung tích hữu ích thiết kế ($10^6 m^3$)	Nguồn nước hiện tại 30/11/2017			Dự kiến nguồn nước đến 07/12/2017		
				Cao trình mực nước hiện tại (m)	Dung tích hữu ích ($10^6 m^3$)	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến ngày 30/11/2017 so với thiết kế	Cao trình mực nước (m)	Dung tích hữu ích ($10^6 m^3$)	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến 07/12/2017 so với thiết kế
1	Hồ Đa Bạc	31,01	4,478	31,44	5,117	114,27%	31,55	▲ 5,284	118,00%
2	Hồ Lòng Sông	76,95	33,696	77,68	35,432	105,15%	77,72	▲ 35,528	105,44%
3	Hồ Cà Giây	74,7	28,512	74,60	28,025	98,29%	74,74	▲ 28,707	100,68%
4	Hồ Sông Khán	106,95	1,753	106,85	1,706	97,32%	106,64	▼ 1,608	91,72%
5	Hồ Sông Quao	89	67,3	89,30	69,400	103,12%	89,61	▲ 71,570	106,34%
6	Hồ Suối Đá	47	7,858	45,93	4,691	59,70%	45,82	▼ 4,455	56,69%
7	Hồ Cầm Hang	25	1,167	23,45	0,406	34,79%	24,11	▲ 0,695	59,58%
8	Hồ Sông Móng	75,8	34,171	75,80	34,171	100,00%	76,47	▲ 37,800	110,62%
9	Đập Ba Bàu	42	5,974	41,93	5,784	96,82%	42,02	▲ 6,048	101,24%
10	Hồ Đu Đủ	61	3,367	60,76	3,108	92,31%	60,71	▼ 3,054	90,70%
11	Hồ Tân Lập	44	1	44,06	1,027	102,70%	44,02	▼ 1,009	100,90%
12	Hồ Tà Mon	46,5	0,607	45,92	0,495	81,55%	45,65	▼ 0,445	73,34%
13	Hồ Núi Đất	23,5	7,9	23,88	8,707	110,22%	23,72	▼ 8,367	105,91%
14	Hồ Trà Tân	95	3,485	95,04	3,604	103,41%	95,15	▲ 3,931	112,80%
15	Đập Sông Phan	70	2,85	68,00	2,001	70,21%	67,97	▼ 1,995	70,01%
16	Hồ Phan Dũng	206,4	12,441	206,77	13,383	107,57%	206,55	▼ 12,823	103,07%
17	Hồ Sông Dinh 3	45,95	42,84	40,30	1,392	3,25%	40,45	▲ 2,088	4,87%
	Tổng		259,399		218,45	84,21%		225,41	86,90%

Ghi chú: ▲ ▼ ■ Dung tích hồ tăng, giảm, giữ nguyên so với hiện tại

4.2. Dự báo khả năng cấp nước vụ Mùa 2017

Với kế hoạch sản xuất và dự báo nguồn nước vụ Mùa đã tính ở trên, dự báo đến 07/12/2017 sẽ có:

Tổng số 19/19 (100%) hồ/đập thủy lợi đều có khả năng đảm bảo cấp nước cho vụ Mùa (xem Bảng 7): đập Ba Bàu, hồ Cà Giây, hệ thống đập Đồng Mới..., hồ Sông Quao, hồ Suối Đá, hồ Sông Khán, hồ Sông Móng, đập Sông Phan, hồ Sông Dinh 3, Sông La Ngà (tới đập Tà Pao), hồ Sông Khán, hồ Phan Dũng, hồ Lòng Sông, hồ Tà Mon, hồ Tân Lập, hồ Trà Tân, đập Sông Lũy, hồ Núi Đất, hồ Đu Đủ.

Kết quả dự báo khả năng đáp ứng nhu cầu nước của các hồ chứa, đập dâng vụ Mùa 2017 được tổng hợp trong Bảng 7.

Bảng 7: Bảng tổng hợp dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp vụ Mùa tỉnh Bình Thuận năm 2017

TT	LV Hồ, Đập	Dự báo khả năng cấp nước vụ Mùa		
		Lượng nước thiếu ($10^6 m^3$)		Khả năng cấp nước tưới vụ Mùa 2017
		Tháng 12	Tổng	

1	Hồ Đá Bạc	0	0	100%
2	Hồ Phan Dũng	0	0	100%
3	Hồ Lòng Sông	0	0	100%
4	Đập Sông Lũy	0	0	100%
5	Hồ Cà Giây	0	0	100%
6	Đập Đồng Mới, Tú Sơn...	0	0	100%
7	Hồ Sông Quao	0	0	100%
8	Hồ Suối Đá	0	0	100%
9	Hồ Sông Khán	0	0	100%
10	Hồ Sông Móng	0	0	100%
11	Đập Ba Bàu	0	0	100%
12	Hồ Đu Đủ	0	0	100%
13	Đập Sông Phan	0	0	100%
14	Hồ Tân Lập	0	0	100%
15	Hồ Tà Mon	0	0	100%
16	Hồ Núi Đất	0	0	100%
17	Hồ Sông Dinh	0	0	100%
18	Sông La Ngà (Tới Đập Tà Pao)	0	0	100%
19	Hồ Trà Tân	0	0	100%
Tổng			0	

Kết luận - Kiến nghị:

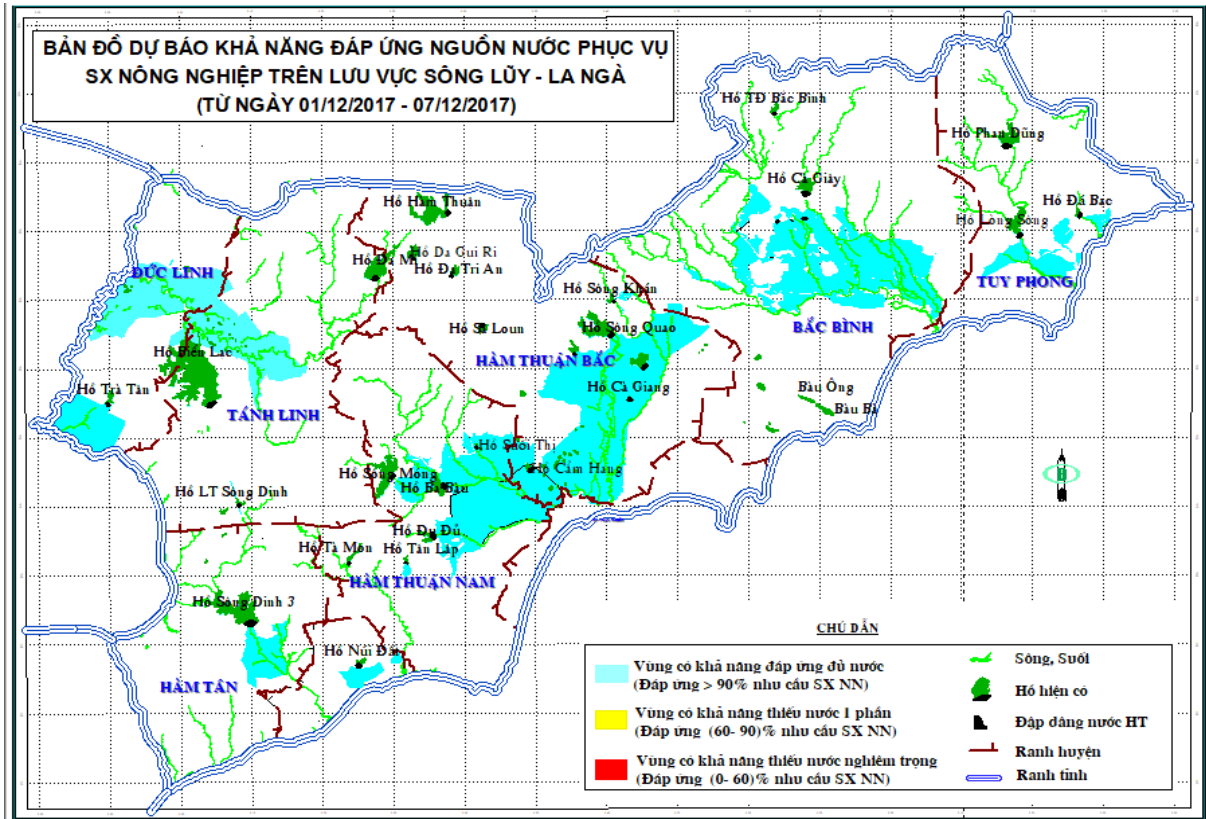
Trên cơ sở kết quả kiểm kê nguồn nước hiện có của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận, địa phương cần: Cập nhật thường xuyên tình hình KTTV, diễn biến mưa lũ và nguồn nước về các hồ để có kế hoạch vận hành công trình hợp lý, chăm sóc tốt nhất cho cây trồng vụ Mùa; Tiếp tục theo dõi lưu lượng nước xả của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi.

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 7/12/2017 cho thấy tổng dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 225,41 triệu m³ (chiếm 86,90% so với dung tích thiết kế), như vậy về cơ bản các vùng/khu vực trên địa bàn tỉnh dự báo từ ngày 01/12/2017 đến ngày 07/12/2017 đều có khả năng đáp ứng đủ nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp, tuy nhiên cần phòng tránh úng ngập cục bộ trong một số vùng nông nghiệp. Dưới đây là kiến nghị kế hoạch sử dụng nước tại một số hồ chứa thủy lợi trong tỉnh Bình Thuận đến ngày 07/12/2017 như sau:

- Hồ Lòng Sông có 35,528 triệu m³, hồ Phan Dũng có 12,823 triệu m³, hồ Đá Bạc 5,284 triệu m³: Sử dụng nguồn nước hiện có trong các hồ này để cấp đủ nước tưới cho lúa, cây trồng vụ Mùa;
- Hồ Cà Giây có 28,707 triệu m³, hồ Sông Quao có 71,570 triệu m³: có thể tận dụng nguồn nước thủy điện Đại Ninh, lượng nước trữ trong hồ để cấp đủ nước tưới cho

lúa và cây trồng vụ Mùa;

- Hồ Sông Móng có 37,80 triệu m³, đập Ba Bàu có 6,048 triệu m³, hồ Tà Mon có 0,445 triệu m³, hồ Đu Đủ có 3,054 triệu m³, hồ Tân Lập có 1,009 triệu m³, hồ Núi Đất có 8,367 triệu m³, hồ Sông Dinh 3 có 2,088 triệu m³, có thể sử dụng nguồn nước trong các hồ để cấp đủ nước cho lúa, cây trồng cận vụ Mùa;
- Nguồn nước tại Đập Tà Pao (sau nhà máy thủy điện Hàm Thuận – Đa Mi) cấp đủ nước sản xuất vụ Mùa theo kế hoạch 2017.



Hình 5: Bản đồ dự báo nguồn nước và khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trên lưu vực sông Lũy – sông La Ngã tỉnh Bình Thuận từ ngày 01/12/2017 đến ngày 07/12/2017

Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam, 30/11/2017

(Ghi chú: Bản tin này sẽ được Viện tiếp tục cập nhật trong các tuần kế tiếp. Để phục vụ kịp thời, chủ động kiểm soát nguồn nước cho sản xuất vụ Mùa, kính đề nghị địa phương, các đơn vị sử dụng nếu có ý kiến, đề nghị phản hồi lại Tổng cục Thủy lợi (qua Cục Quản lý Công trình Thủy lợi) để cập nhật trong các bản tin tiếp theo).

Bản tin này cũng được đăng trên địa chỉ Website : <http://www.siwrr.org.vn> . Các thông tin về tình hình nguồn nước, sản xuất và những yêu cầu cấp thiết khác xin gửi về Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam qua địa chỉ email: vkhtlmm@gmail.com và tncnbvmt@gmail.com ./.